**Lớp Phật Pháp Buddhadhamma**

**Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya**

Bài học ngày 27.2.2021

**115. Kinh Ða Giới (Bahudhātuka Sutta)**

**Bản chất của cuộc sống**

*Giới - dhātu - ở đây có nghĩa là nguyên chất, nguyên tố. Nội dung bài kinh nói về nền tảng căn bản của chánh trí. Với một người với tuệ giác đã biết rõ những nguyên tố nầy thì đó phải là bậc thiện trí thật sự. Một người trí như vậy không còn sợ hãi. Đây là khẳng định về trình độ tu chứng cũng như nói lên vai trò thượng tôn của trí tuệ thật sự.*

***552. Người trí thì không sợ mà người còn sợ hãi thì chưa thật sự là người trí***

*Trong một pháp thoại hằng ngày cho chư tăng, Bậc Đạo Sư đã khẳng định một điều mà chỉ có sự đắc chứng thật sự của các bậc thánh đệ tử mới thể hiện được đó là sự vô uý ở trình độ cao nhất:*

**A black background with white text

Description automatically generated with low confidence**

**N**hư vầy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatthī (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Ðộc). Ở đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -- "Này các Tỷ-kheo".

-- "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

-- Phàm có những sợ hãi gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí (paṇḍitā). Phàm có những thất vọng gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí. Phàm có những hoạn nạn gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí. Ví như, này các Tỷ-kheo, tia lửa từ ngôi nhà bằng cỏ, thiêu cháy ngôi nhà có lầu gác được trét trong trét ngoài, được che chở khỏi gió, có chốt khóa gài kỹ, có cửa sổ đóng kỹ; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những xợ hãi gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những thất vọng gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những hoạn nạn gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí. Như vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu đầy những sợ hãi, người hiền trí không có sợ hãi. Kẻ ngu đầy những thất vọng, người hiền trí không có thất vọng. Kẻ ngu đầ những hoạn nạn, người hiền trí không có hoạn nạn. Này các Tỷ-kheo, không có sợ hãi cho người hiền trí, không có thất vọng cho người hiền trí, không có hoạn nạn cho người hiền trí. Do vậy, này các Tỷ-kheo, "Chúng tôi sẽ thành người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu", như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

***553. Thế nào bậc hiền trí thật sự***

*Bậc hiền trí thật sự là người hiểu biết những nguyên lý của cuộc sống:*

**A black background with white text

Description automatically generated with low confidence**

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

-- Ðến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu?"

-- Cho đến khi, này Ānanda, Tỷ-kheo thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về duyên khởi và thiện xảo về xứ phi xứ đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu".

***554. Những định lý khác nhau về thế giới và siêu thế***

*Với lời dạy về các nguyên tố của vạn pháp, Đức Thế Tôn đề cập đến những biểu đồ mang tính toàn diện đối tượng cùa của tuệ tri:*

**A black background with white text

Description automatically generated with low confidence**

-- Ðến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

-- Này Ānanda, có mười tám giới này: nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được mười tám giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

-- Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

-- Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda có sáu giới này: địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới. Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mực độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

-- Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

-- Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda có sáu giới này: lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới. Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

-- Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

-- Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có sáu giới này: dục giới, ly dục giới, sân giới, vô sân giới, hại giới, bất hại giới. Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

-- Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

-- Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có ba giới này: dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được ba giới này, cho đến mức độ như vậy này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ- kheo thiện xảo về giới".

-- Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới?"

-- Có thể có, này Ānanda. Này Ānanda, có hai giới này: hữu vi giới và vô vi giới. Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được hai giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

***555. Định lý về duyên sinh***

*Sự hiện hữu cũng chúng sanh là “dây chuyền của tác động và bị tác động”:*

**A black background with white text

Description automatically generated with low confidence**

-- Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ?"

-- Này Ānanda, có sáu nội xứ, ngoại xứ này: mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Này Ānanda, cho đến khi biết được, thấy được sáu nội ngoại xứ này, cho đến mức độ như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ".

-- Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi?"

-- Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo biết như sau: Nếu cái này có, cái kia có; do cái này sanh, cái kia sanh. Nếu cái này không có, cái kia không có; do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; do duyên sanh lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy, này Ānanda, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Nhưng do sự diệt trừ, sự ly tham hoàn toàn của chính vô minh này, các hành diệt; do các hành diệt, danh sắc diệt; do danh sắc diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt, do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt, do sanh diệt, lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này. Cho đến như vậy, này Ānanda, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi".

***556. Những gì có thể và những gì không thể***

*Biết rõ những gì có thể và không thể về pháp tánh của vạn hữu là điều khẳng định chẳng những xua tan nghi hoặc mà còn xoá đi sự hoang mang sợ hãi đối với bậc trí:*

**A black background with white text

Description automatically generated with low confidence**

-- Nhưng cho đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ?"

-- Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: khi một người thành tựu (chánh) kiến lại đi đến các hành (saṃkhāra) và xem là thường còn. Sự kiện như vậy không xảy ra". Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người phàm phu đi đến các hành và xem là thường còn. Sự hiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các hành với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người phàm phu đi đến các hành với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người nào thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các pháp với ý niệm tự ngã. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người phàm phu đi đến các pháp với ý niệm tự ngã. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phàm phu có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người cha... có thể giết sinh mạng A-la-hán... Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phàm phu với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Sự kiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể phá hòa hợp Tăng. Sự kiện như vậy không xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phàm phu có thể phá hòa hợp với Tăng. Sự kiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể đề cao một Ðạo sư khác. Sự kiên như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phàm phu đề cao một Ðạo sư khác. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi cùng trong một thế giới (lokadhātu), hai A-la-hán, Chánh Ðẳng Giác có thể xuất hiện (một lần) không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới, một A-la-hán, Chánh Ðẳng Giác có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới hai vua Chuyển Luân có thể xuất hiện (một lần), không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi trong một thế giới, một vị vua Chuyển Luân có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành A- La-Hán, Chánh Ðẳng Giác. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: Sự kiện này có xảy ra: Khi một nam nhân có thể thành một A-la-hán, Chánh Ðẳng Giác. Sự kiện như vậy có xảy ra. "Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành Sakka (Ðế -thích). Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một nam nhân có thể trở thành Sakka. Sự kiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Ma vương. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra khi một nam nhân trở thành một Ma vương. Sự kiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một nam nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện này như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện này không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một khẩu ác hành... Khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một khẩu thiện hành... một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì thân ác hành, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người hành trì thân ác hành, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện này có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu ác hành... hành trì ý ác hành, do nhân ý ác hành ấy, do duyên ý ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, khi một người hành trì khẩu ác hành... ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy có xảy ra". Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu thiện hành... hành trì thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu thiện hành... hành trì ý thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Cho đến mức độ như vậy, là vừa đủ để nói: "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ".

***557. Câu hỏi từ sự cảm thán***

*Tôn giả Ānanda, thị giả của Đức Thế Tôn, vô cùng hoan hỷ khi nghe những lời Phật dạy trong bài kinh nầy đã bạch hỏi về tên của pháp môn (dhammapariyāya). Đức Thế Tôn dạy có thề gọi là “****Đa Nguyên*** *hay* ***Đa Giới*** *(bahudhātuko),* ***Tứ Chuyển*** *(catuparivaṭṭa) tức giới, căn, duyên khởi, những điều có thể và không có thể****, Pháp Kính*** *(dhammādāsa),* ***Trống Bất Tử*** *(amatadundubhi),* ***Chiến Thắng Tối Thượng*** *(anuttaro saṅgāmavijaya):*

**A black background with white text

Description automatically generated with low confidence**

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn pháp môn này có tên gì?

-- Do vậy, này Ānanda, Ông hãy thọ trì pháp môn này là Ða giới, hãy thọ trì pháp môn nầy là Bốn chuyển (Catuparivaṭṭo) hãy thọ trì pháp môn này là Pháp kính (Dhammādāsa), hãy thọ trì pháp môn này là Trống bất tử, hãy thọ trì pháp môn này là Vô thượng chiến thắng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

***Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu***

***Phân đoạn & chú thích: Tỳ Kheo Giác Đẳng***

**-ooOoo-**

**Kinh số 115 [tóm tắt]**

**Kinh Đa Giới**

**(Bahudhātuka Sutta)**

**(M.iii, 61)**

Đức Thế Tôn phân biệt người ngu với người hiền ở chỗ kẻ ngu có sợ hãi, thất vọng, hoạn nạn, còn người hiền thì không, và khuyên các Tỷ-kheo học tập để trở thành người hiền, biết suy tư tìm hiểu. Tôn giả Ānanda hỏi đức Phật thế nào là người hiền, và Thế Tôn định nghĩa hiền là vị Tỷ- kheo thiện xảo về giới, về xứ, về duyên khởi, về xứ phi xứ.

I. Về giới, có sáu phạm trù như sau:

1/ Mười tám giới: sáu căn, sáu trần, sáu thức.

2/ Sáu giới: Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức.

3/ Sáu giới: Lạc, khổ, hỷ, ưu, xả, vô minh.

4/ Sáu giới: Dục, vô dục, sân, vô sân, hại, bất hại.

5/ Ba giới: Dục, sắc và vô sắc.

6/ Hai giới: Hữu vi và vô vi giới.

II. Về xứ, có sáu nội, ngoại xứ là: Mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp.

III. Thiện xảo về duyên khởi là: Biết rõ cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không, do cái này sanh, cái kia sanh, do cái này diệt, cái kia diệt. Biết rõ mười hai nhân duyên, từ vô minh đến lão, tử, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn, và biết rõ do vô minh diệt thì hành diệt, cho đến do sanh diệt thì lão, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này.

IV. Thiện xảo về xứ phi xứ: Là khi vị Tỷ-kheo biết rõ những sự kiện có thể xảy ra và không thể xảy ra như sau:

1/ Một người thành tựu chánh kiến lại xem các hành là thường, lạc, các pháp là có ngã; sự kiện này không thể xảy ra. Nhưng một người phàm phu xem các hành là thường, lạc, các pháp có ngã là điều có thể xảy ra.

2/ Một vị thành tựu chánh kiến còn phạm năm tội nghịch (giết cha, giết mẹ, giết A- la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm Phật chảy máu) là điều không xảy ra. Phàm phu làm năm tội nghịch là điều có xảy ra.

3/ Một vị thành tựu chánh kiến có thể đề cao một vị Đạo sự khác (ngoài Phật) là điều không xảy ra. Phàm phu thì có.

4/ Trong cùng một thế giới, hai vị Chánh đẳng giác xuất hiện cùng một lần, sự kiện

ấy không xảy ra. Một vị thì có. Đối với Chuyển luân vương cũng vậy.

5/ Sự kiện này không xảy ra, là nữ nhân có thể thành Phật, thành Đế thích, thành Phạm thiên và thành Ma vương. Nam nhân thì có.

6/ Vị ấy biết rõ sự kiện này không xảy ra, khi một thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành có thể sanh ra quả báo tốt đẹp; người làm thân, khẩu, ý ác hành có thể sanh ra quả báo tốt đẹp; người làm thân, khẩu, ý ác hành có thể sanh vào cảnh giới tốt đẹp. Sự kiện này có thể xảy ra, khi một thân, khẩu, ý ác hành sanh quả báo xấu và người làm ba ác hành ấy sanh vào đọa xứ, địa ngục.

7/ Vị ấy biết rõ sự kiện này không xảy ra, khi một thân, khẩu, ý thiện hành có thể sanh ra quả báo xấu và người làm ba thiện hành ấy có thể sanh vào cảnh giới xấu. Ngược lại, sự kiện có xảy ra là thân, khẩu, ý thiện hành có thể sanh quả báo tốt, người làm ba thiện hành sẽ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

***Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu***

**-ooOoo-**

**Kinh số 115 [dàn ý]**

**Kinh Đa Giới**

**(Bahudhātuka Sutta)**

**(M.iii, 61)**

**A. Duyên khởi:**

Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo về thuyết giảng.

**B. Chánh kinh:**

I. Thế Tôn dạy sợ hãi, thất vọng, hoạn nạn chỉ đến với người ngu, không đến với người hiền trí. Do vậy, các Tỷ-kheo cần phải học tập để trở thành người hiền trí.

II. Thế Tôn giải thích người hiền trí là người thiện xảo về giới, về xứ, về duyên khởi, về xứ và phi xứ.

1**.** Thiện xảo về giới:

a**.** 18 giới.

b**.** 6 giới.

c**.** 6 giới.

d**.** 6 giới.

e**.** 3 giới.

f**.** 2 giới.

2**.** Thiện xảo về xứ: 6 nội ngoại xứ.

3**.** Thiện xảo về duyên khởi.

4**.** Thiện xảo về xứ và phi xứ, có tất cả là 28 xứ và phi xứ.

III. Tôn giả Ānanda tán thán pháp môn Thế Tôn vừa thuyết giảng và hỏi pháp môn ấy tên gì, Thế Tôn nói lên những tên để gọi cho pháp môn ấy là Đa giới, Bốn chuyển, Pháp kính, Trống bất tử.

**C. Kết luận:**

Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

***Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu***

**-ooOoo-**

**Kinh số 115 [toát yếu]**

**Kinh Đa Giới**

**(Bahudhātuka Sutta)**

**(M.iii, 61)**

1. **TOÁT YẾU**

***Bahudhātuka Sutta*** *-* ***The Many Kinds of Elements****.*

*The Buddha expounds in detail the elements, the sense bases, dependent origination, and the kinds of situations that are possible and impossible in the world*.

***Nhiều loại yếu tố.***

*Phật giảng chi tiết về (mười tám) giới, (mười hai) xứ, duyên khởi, và những trường hợp có thể, không thể xảy ra ở đời.*

**II. TÓM TẮT**

Phật dạy tất cả những sự sợ hãi, thất vọng và hoạn nạn chỉ sinh khởi cho kẻ ngu, không phải cho người hiền trí, cũng như lửa lan từ một ngôi nhà cỏ và đốt nó cháy rụi. Bởi thế, các tỷ kheo hãy phát tâm trở thành người hiền, biết suy tư tìm hiểu. Tôn giả A-nan hỏi thế nào là hiền. Phật dạy, ấy là khi tỷ kheo thiện xảo về Giới [1], xứ, duyên khởi và về xứ phi xứ.

- Thiện xảo về Giới là biết rõ mười tám giới (sáu căn, sáu trần, sáu thức); hoặc sáu giới (bốn đại thêm không, thức); hoặc sáu giới là lạc, khổ, hỷ, ưu, xả, và vô minh [2], hoặc dục sân hại, ly dục vô sân bất hại [3]; ba giới là dục, sắc, vô sắc [4]; hoặc hai giới là hữu vi, vô vi [5].

- Xứ có sáu nội ngoại xứ là mắt và sắc tai và tiếng... cho đến ý và pháp [6].

- Duyên khởi có 12 nhân duyên.

- Xứ phi xứ là biết rõ chuyện có thể xảy ra hoặc không thể xảy ra như sau:

Không thể có việc thành tựu chánh kiến [7] mà lại xem các hành là thường, lạc [8], ngã; phạm năm tội nghịch; đề cao một đạo sư khác. Phàm phu thì có thể phạm những sai lầm này, xem một pháp nào đó là ngã [9] và giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá tăng hòa hợp, và làm thân Phật chảy máu [10] hoặc đề cao một đạo sư khác [11].

Cũng không thể có chuyện trong một thế giới mà đồng thời xuất hiện hai vị Phật [12], hai vua Chuyển luân. Cũng không thể có chuyện nữ nhân mà thành Phật [13], Ma Vương, Ðế thích, Phạm thiên. Không thể có chuyện do nhân duyên [14] nghĩ, làm, nói ác mà được quả vui và sinh vào cõi lành hay ngược lại. Những điều ngược lại thì có thể xảy ra.

Khi được hỏi tên pháp môn này là gì, Phật dạy nên gọi là Ða giới, hoặc Bốn chuyển [15], Pháp kính, hoặc Trống bất tử, hoặc Vô thượng chiến thắng.

**III. CHÚ GIẢI**

1. Mười tám giới được giải thích chi tiết trong Thanh Tịnh Đạo chương 15. Vắn tắt, ý giới (*manodhātu*) theo Luận, bao gồm ngũ môn hướng tâm (*pancadvārāvajjana-citta*) và ý thức tiếp thu đối tượng sau khi các giác quan đã nhận biết. Ý thức giới (*manovinnānadhātu*) thì bao gồm mọi loại thức trừ năm thân thức và ý giới. Pháp giới (*dhammadhātu*) bao gồm các loại vi tế sắc không ở trong tầm nhận biết của giác quan, ba tâm uẩn thọ tưởng hành, và Niết-bàn. Nó không gồm các quan niệm, ý tưởng trừu tượng, phán đoán, vv. Mặc dù những thứ sau này được gồm trong khái niệm về tâm pháp (đối tượng của tâm), pháp giới chỉ gồm những gì có tự tính, không bao gồm những gì do tâm tạo nên.

2. Lạc và khổ giới là lạc thọ và khổ thọ của thân, hỷ và ưu giới là vui khổ của tâm, xả giới là cảm thọ không vui không khổ. Theo MA, vô minh được đưa vào đây vì nói có vẻ giống với xả giới.

3. *Vibhanga* định nghĩa đây là sáu loại tầm (*vitakka*) tương ứng, xem Trung bộ 19, đoạn 2.

4. MA giải thích dục là năm uẩn thuộc dục giới, sắc là năm uẩn thuộc sắc giới, vô sắc là bốn uẩn thuộc vô sắc giới.

5. MA: hữu vi giới bao gồm mọi pháp do duyên sinh và là tên gọi ám chỉ năm uẩn. Vô vi giới là Niết-bàn.

6. Mười hai xứ được TTĐ giải thích trong chương 15. Ý xứ bao gồm mọi loại thức và như vậy nó gồm cả bảy giới làm nhiệm vụ của thức. Pháp xứ cũng như pháp giới.

7. MA: một người có chánh kiến (*ditthisampanno*) là có kiến thuộc đạo, tối thiểu là một thánh đệ tử đã đắc quả Dự lưu. Hành đây cần hiểu là một hành hữu vi, nghĩa là bất cứ pháp duyên sinh nào.

8. MA nêu lên rằng một thánh đệ tử chưa chứng A-la- hán cũng còn có thể xem các hành là lạc với tâm không tương ưng tà kiến, nhưng vị ấy không thể giữ cái quan niệm rằng bất cứ hành nào cũng là khả lạc. Mặc dù tưởng và ý hành khả lạc có khởi lên trong tâm, vị ấy vẫn phản tỉnh để biết thế là lầm.

9. Trong đoạn nói về tự ngã, chữ hành được thay bằng chữ pháp. Theo MA, sở dĩ như vậy vì để bao gồm cả những khái niệm như tướng về Kasina vân vân mà phàm phu dễ xem là tự ngã. Nhưng xét sự kiện Niết-bàn được mô tả là bất tử và lạc, và cũng dễ bị tưởng là ngã (xem kinh số 1), nên chữ hành có thể nói chỉ bao gồm các pháp hữu vi, còn chữ pháp thì gồm cả hữu vi và vô vi. Nhưng lối giải thích này không có trong luận giải của luận sư TTÐ.

10. Ðoạn này phân biệt phàm phu với thánh đệ tử trên phương diện năm tội nghịch. Theo MA, một thánh đệ tử thì không thể nào cố ý đoạt bất cứ sinh mạng của chúng sinh nào, nhưng ở đây nêu lên việc giết cha mẹ để nhấn mạnh khía cạnh nguy hiểm của cương vị phàm phu và năng lực của thánh đệ tử.

11. Nghĩa là có thể thừa nhận bất cứ ai ngoài Phật làm Vô thượng sư.

12. MA: Không thể nào có một vị Phật khác ra đời kể từ thời gian một Bồ-tát nhập thai mẹ lần cuối cho đến khi giáo lý của Ngài hoàn toàn biến mất.

13. Lời này chỉ xác quyết rằng một vị Phật toàn giác luôn luôn thuộc nam tánh, nhưng không phủ nhận một người hiện tại là phụ nữ có thể thành Phật trong tương lai. Nhưng muốn thế thì trước hết người ấy phải tái sinh thành nam tử.

14. Trong đoạn này, cái câu do nhân ấy do duyên ấy (*tannidāna tappaccayā*) là hết sức quan trọng. Như Phật sẽ cho thấy trong kinh 136, một người phạm ác hành có thể tái sinh lên thiên giới và người làm thiện hành có thể tái sinh vào đọa xứ. Nhưng trong các trường hợp này, sự tái sinh là do nguyên nhân một nghiệp khác với nghiệp người ấy thường làm. Sự đúng luật sát sao chỉ áp dụng cho nghiệp và quả của nó.

15. Bốn chuyển là Giới, Xứ, Duyên sinh và Xứ phi xứ (việc có thể xảy ra, không thể xảy ra)

**IV. PHÁP SỐ**

*(không có)*

**V. KỆ TỤNG**

Tất cả những sợ hãi  
Thất vọng và tai ương

Chỉ đến cho kẻ ngu,

Không phải cho người trí.

Như từ căn lều cỏ

Dù đẹp xinh kiên cố

Một đóm lửa nổi lên

Cũng đốt tan tành nó

Bởi thế, hãy quyết tâm

Trở thành một người hiền

Biết suy tư tìm hiểu  
Ðây là lời Phật dạy.

Hiền trí là thiện xảo  
Về Giới, xứ, duyên khởi

Việc có thể xảy ra

Và không thể xảy ra.

Giới là mười tám giới:  
Mắt sắc và nhãn thức  
Ý, pháp và ý thức  
Cộng thành mười tám giới.

Lại có sáu loại giới  
Bốn đại thêm không, thức

Biết rõ các thứ ấy  
Là thiện xảo về giới.

Lạc khổ hỷ ưu xả  
Cuối cùng thêm vô minh

Là sáu giới thuộc tâm

Các tỷ kheo nên biết.

Dục, sắc và vô sắc

Ðây gọi là ba giới

Hữu vi và vô vi

Ðây gọi là hai giới.

Xứ gồm sáu trong ngoài

Con mắt và hình sắc  
Lỗ tai và âm thanh  
Cho đến ý và pháp.

Thiện xảo về duyên khởi:

Ðây có tức kia có  
Ðây sinh thì kia sinh

Ðây không thì kia không

Ðây diệt, kia cũng diệt.

Do vô minh, sinh hành,

Do hành sinh, thức sinh

Do thức, danh thức sinh

Do danh sắc, sáu nhập

Do sáu nhập, có xúc

Do xúc mà có thọ  
Do thọ mà có ái

Do ái mà có thủ

Do thủ mà có hữu

Do hữu mà có sinh

Do sinh có già chết

Sầu bi khổ não ưu.

Vô minh diệt hành diệt

Hành diệt thì thức diệt

Thức diệt, danh sắc diệt

Cho đến già chết diệt.

Ðây là sinh và diệt  
Của toàn đống khổ này.

Tỷ kheo biết như vậy

Thiện xảo về duyên sinh.

Thiện xảo Xứ phi xứ

Là tỷ kheo biết rõ

Chuyện có thể xảy ra

Và không thể xảy ra:

Thành tựu chính tri kiến

Thì không thể quan niệm

Có thường, lạc, và ngã

Trong các pháp hữu vi;

Hoặc phạm năm tội nghịch;

Ðề cao đạo sư khác.

Cũng không thể có chuyện

Ðồng thời, trên thế giới

Xuất hiện hai vị Phật,

Hai Chuyển luân thánh vương.

Cũng không thể có chuyện

Nữ nhân mà thành Phật,

Thành Ma vương, Ðế thích

Hoặc vua trời Phạm thiên.

Cũng không thể có chuyện

Do nghĩ, nói, làm, ác  
Mà được quả an vui  
Và sinh vào cõi lành

Do nghĩ nói làm thiện

Mà gặp quả đau khổ

Và sinh vào đọa xứ.

Việc có thể xảy ra  
Là những điều ngược lại.

Kinh này tên Ða giới

Hoặc Pháp kính, Bốn chuyển

Hoặc tên Trống bất tử

Tỷ kheo hãy thọ trì.

***Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu***

***Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải***

**-ooOoo-**

115. Bahudhātukasuttaṃ [Mūla]

**124.** Evaṃ me sutaṃ : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** sāvatthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho **Bhagavā** bhikkhū āmantesi : ''bhikkhavoti. ''Bhadanteti te bhikkhū bhagavato paccassosuṃ. Bhagavā etadavoca : ''yāni kānici, bhikkhave, bhayāni uppajjanti sabbāni tāni bālato uppajjanti, no paṇḍitato ye keci upaddavā uppajjanti sabbe te bālato uppajjanti, no paṇḍitato ye keci upasaggā uppajjanti sabbe te bālato uppajjanti, no paṇḍitato. Seyyathāpi, bhikkhave , naḷāgārā vā tiṇāgārā vā aggi mutto [aggimukko (sī. pī.)] kūṭāgārānipi dahati ullittāvalittāni nivātāni phusitaggaḷāni pihitavātapānāni evameva kho, bhikkhave, yāni kānici bhayāni uppajjanti sabbāni tāni bālato uppajjanti, no paṇḍitato ye keci upaddavā uppajjanti sabbe te bālato uppajjanti, no paṇḍitato ye keci upasaggā uppajjanti sabbe te bālato uppajjanti, no paṇḍitato. Iti kho, bhikkhave, sappaṭibhayo bālo, appaṭibhayo paṇḍito saupaddavo bālo, anupaddavo paṇḍito saupasaggo bālo, anupasaggo paṇḍito. Natthi, bhikkhave, paṇḍitato bhayaṃ, natthi paṇḍitato upaddavo, natthi paṇḍitato upasaggo. Tasmātiha, bhikkhave, 'paṇḍitā bhavissāma vīmaṃsakāti : evañhi vo, bhikkhave, sikkhitabbanti. Evaṃ vutte, āyasmā ānando bhagavantaṃ etadavoca : ''kittāvatā nu kho, bhante, paṇḍito bhikkhu 'vīmaṃsakoti alaṃ vacanāyāti? ''yato kho, ānanda, bhikkhu dhātukusalo ca hoti, āyatanakusalo ca hoti, paṭiccasamuppādakusalo ca hoti, ṭhānāṭhānakusalo ca hoti : ettāvatā kho, ānanda, paṇḍito bhikkhu 'vīmaṃsakoti alaṃ vacanāyāti.

**125.** ''Kittāvatā pana, bhante, 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti? ''aṭṭhārasa kho imā, ānanda, dhātuyo : cakkhudhātu, rūpadhātu, cakkhuviññāṇadhātu sotadhātu, saddadhātu, sotaviññāṇadhātu ghānadhātu, gandhadhātu, ghānaviññāṇadhātu jivhādhātu, rasadhātu, jivhāviññāṇadhātu kāyadhātu, phoṭṭhabbadhātu, kāyaviññāṇadhātu manodhātu, dhammadhātu, manoviññāṇadhātu. Imā kho, ānanda, aṭṭhārasa dhātuyo yato jānāti passati : ettāvatāpi kho, ānanda, 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti. ''Siyā pana, bhante, aññopi pariyāyo, yathā 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti? ''siyā, ānanda. Chayimā, ānanda, dhātuyo : pathavīdhātu, āpodhātu, tejodhātu, vāyodhātu, ākāsadhātu, viññāṇadhātu. Imā kho, ānanda, cha dhātuyo yato jānāti passati : ettāvatāpi kho, ānanda, 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti. ''Siyā pana, bhante, aññopi pariyāyo, yathā 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti? ''siyā, ānanda. Chayimā, ānanda, dhātuyo : sukhadhātu , dukkhadhātu, somanassadhātu, domanassadhātu, upekkhādhātu, avijjādhātu. Imā kho, ānanda, cha dhātuyo yato jānāti passati : ettāvatāpi kho, ānanda, 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti. ''Siyā pana, bhante, aññopi pariyāyo, yathā 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti? ''siyā, ānanda. Chayimā, ānanda, dhātuyo : kāmadhātu, nekkhammadhātu, byāpādadhātu, abyāpādadhātu, vihiṃsādhātu , avihiṃsādhātu. Imā kho, ānanda, cha dhātuyo yato jānāti passati : ettāvatāpi kho, ānanda, 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti. ''Siyā pana, bhante, aññopi pariyāyo, yathā 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti? ''siyā, ānanda. Tisso imā, ānanda, dhātuyo : kāmadhātu, rūpadhātu, arūpadhātu. Imā kho, ānanda, tisso dhātuyo yato jānāti passati : ettāvatāpi kho, ānanda, 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti. ''Siyā pana, bhante, aññopi pariyāyo, yathā 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti? ''siyā, ānanda. Dve imā, ānanda, dhātuyo : saṅkhatādhātu, asaṅkhatādhātu. Imā kho, ānanda, dve dhātuyo yato jānāti passati : ettāvatāpi kho, ānanda, 'dhātukusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti.

**126.** ''Kittāvatā pana, bhante, 'āyatanakusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti? ''cha kho panimāni, ānanda, ajjhattikabāhirāni āyatanāni : cakkhuceva rūpā ca sotañca saddā ca ghānañca gandhā ca jivhā ca rasā ca kāyo ca phoṭṭhabbā ca mano ca dhammā ca. Imāni kho, ānanda, cha ajjhattikabāhirāni āyatanāni yato jānāti passati : ettāvatā kho, ānanda, 'āyatanakusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti. ''Kittāvatā pana, bhante, 'paṭiccasamuppādakusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti? ''idhānanda, bhikkhu evaṃ pajānāti : 'imasmiṃ sati idaṃ hoti, imassuppādā idaṃ uppajjati, imasmiṃ asati idaṃ na hoti, imassa nirodhā idaṃ nirujjhati, yadidaṃ : avijjāpaccayā saṅkhārā, saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ, viññāṇapaccayā nāmarūpaṃ, nāmarūpapaccayā saḷāyatanaṃ, saḷāyatanapaccayā phasso, phassapaccayā vedanā, vedanāpaccayā taṇhā, taṇhāpaccayā upādānaṃ, upādānapaccayā bhavo , bhavapaccayā jāti, jātipaccayā jarāmaraṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassūpāyāsā sambhavanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti. Avijjāyatveva asesavirāganirodhā saṅkhāranirodho, saṅkhāranirodhā viññāṇanirodho, viññāṇanirodhā nāmarūpanirodho, nāmarūpanirodhā saḷāyatananirodho, saḷāyatananirodhā phassanirodho, phassanirodhā vedanānirodho, vedanānirodhā taṇhānirodho, taṇhānirodhā upādānanirodho, upādānanirodhā bhavanirodho, bhavanirodhā jātinirodho, jātinirodhā jarāmaraṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassūpāyāsā nirujjhanti. Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa nirodho hoti. Ettāvatā kho, ānanda, 'paṭiccasamuppādakusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti.

**127.** ''Kittāvatā pana, bhante, 'ṭhānāṭhānakusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti? ''idhānanda, bhikkhu 'aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ diṭṭhisampanno puggalo kañci [kiñci (syā. kaṃ. ka.)] saṅkhāraṃ niccato upagaccheyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ puthujjano kañci saṅkhāraṃ niccato upagaccheyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti 'aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ diṭṭhisampanno puggalo kañci saṅkhāraṃ sukhato upagaccheyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ puthujjano kañci saṅkhāraṃ sukhato upagaccheyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ diṭṭhisampanno puggalo kañci dhammaṃ attato upagaccheyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti, 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ puthujjano kañci dhammaṃ attato upagaccheyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti.

**128.** '''Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ diṭṭhisampanno puggalo mātaraṃ jīvitā voropeyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ puthujjano mātaraṃ jīvitā voropeyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ diṭṭhisampanno puggalo pitaraṃ jīvitā voropeyya - pe - arahantaṃ jīvitā voropeyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti 'aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ diṭṭhisampanno puggalo duṭṭhacitto tathāgatassa lohitaṃ uppādeyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ puthujjano duṭṭhacitto tathāgatassa lohitaṃ uppādeyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ diṭṭhisampanno puggalo saṅghaṃ bhindeyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ puthujjano saṅghaṃ bhindeyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ diṭṭhisampanno puggalo aññaṃ satthāraṃ uddiseyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ puthujjano aññaṃ satthāraṃ uddiseyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti.

**129.** '''Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ ekissā lokadhātuyā dve arahanto sammāsambuddhā apubbaṃ acarimaṃ uppajjeyyuṃ, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ ekissā lokadhātuyā eko arahaṃ sammāsambuddho uppajjeyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ ekissā lokadhātuyā dve rājāno cakkavattino apubbaṃ acarimaṃ uppajjeyyuṃ, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ ekissā lokadhātuyā eko rājā cakkavattī uppajjeyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti.

**130.** '''Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ itthī arahaṃ assa sammāsambuddho , netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ puriso arahaṃ assa sammāsambuddho, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ itthī rājā assa cakkavattī, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ puriso rājā assa cakkavattī, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ itthī sakkattaṃ kareyya ... mārattaṃ kareyya... brahmattaṃ kareyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ puriso sakkattaṃ kareyya... mārattaṃ kareyya... brahmattaṃ kareyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti.

**131.** '''Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ kāyaduccaritassa iṭṭho kanto manāpo vipāko nibbatteyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ kāyaduccaritassa aniṭṭho akanto amanāpo vipāko nibbatteyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ vacīduccaritassa - pe - yaṃ manoduccaritassa iṭṭho kanto manāpo vipāko nibbatteyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ vacīduccaritassa - pe - yaṃ manoduccaritassa aniṭṭho akanto amanāpo vipāko nibbatteyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ kāyasucaritassa aniṭṭho akanto amanāpo vipāko nibbatteyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ kāyasucaritassa iṭṭho kanto manāpo vipāko nibbatteyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ vacīsucaritassa - pe - yaṃ manosucaritassa aniṭṭho akanto amanāpo vipāko nibbatteyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ vacīsucaritassa - pe - yaṃ manosucaritassa iṭṭho kanto manāpo vipāko nibbatteyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. '''Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ kāyaduccaritasamaṅgī taṃnidānā tappaccayā kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjeyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ kāyaduccaritasamaṅgī taṃnidānā tappaccayā kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjeyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ vacīduccaritasamaṅgī - pe - yaṃ manoduccaritasamaṅgī taṃnidānā tappaccayā kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjeyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ vacīduccaritasamaṅgī - pe - yaṃ manoduccaritasamaṅgī taṃnidānā tappaccayā kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjeyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ kāyasucaritasamaṅgī taṃnidānā tappaccayā kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjeyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ kāyasucaritasamaṅgī taṃnidānā tappaccayā kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjeyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. 'Aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ vacīsucaritasamaṅgī - pe - yaṃ manosucaritasamaṅgī taṃnidānā tappaccayā kāyassa bhedā paraṃ maraṇā apāyaṃ duggatiṃ vinipātaṃ nirayaṃ upapajjeyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti pajānāti 'ṭhānañca kho etaṃ vijjati yaṃ vacīsucaritasamaṅgī - pe - yaṃ manosucaritasamaṅgī taṃnidānā tappaccayā kāyassa bhedā paraṃ maraṇā sugatiṃ saggaṃ lokaṃ upapajjeyya, ṭhānametaṃ vijjatīti pajānāti. Ettāvatā kho, ānanda, 'ṭhānāṭhānakusalo bhikkhūti alaṃ vacanāyāti.

**132.** Evaṃ vutte āyasmā ānando bhagavantaṃ etadavoca : ''acchariyaṃ, bhante, abbhutaṃ, bhante! konāmo ayaṃ, bhante, dhammapariyāyoti? ''tasmātiha tvaṃ, ānanda, imaṃ dhammapariyāyaṃ 'bahudhātukotipi naṃ dhārehi, 'catuparivaṭṭotipi naṃ dhārehi, 'dhammādāsotipi naṃ dhārehi, 'amatadundubhītipi [dudrabhītipi (ka.)] naṃ dhārehi, 'anuttaro saṅgāmavijayotipi naṃ dhārehīti. Idamavoca **Bhagavā**. Attamano āyasmā ānando bhagavato bhāsitaṃ abhinandīti.

Bahudhātukasuttaṃ niṭṭhitaṃ pañcamaṃ.

115. Bahudhātukasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

**124**. **Evaṃ** **me suta**nti bahudhātukasuttaṃ. Tattha **bhayānī**tiādīsu **bhaya**nti cittutrāso. **Upaddavo**ti anekaggatākāro. **Upasaggo**ti upasaṭṭhākāro tattha tattha lagganākāro. Tesaṃ evaṃ nānattaṃ veditabbaṃ – pabbatādivisamanissitā corā janapadavāsīnaṃ pesenti ‘‘mayaṃ asukadivase nāma tumhākaṃ gāmaṃ paharissāmā’’ti. Taṃ pavattiṃ sutakālato paṭṭhāya bhayaṃ santāsaṃ āpajjanti. Ayaṃ cittutrāso nāma. ‘‘Idha no corā kupitā anatthampi āvaheyyu’’nti hatthasāraṃ gahetvā dvipadacatuppadehi saddhiṃ araññaṃ pavisitvā tattha tattha bhūmiyaṃ nipajjanti, ḍaṃsamakasādīhi khajjamānā gumbantarāni pavisanti, khāṇukaṇṭake maddanti. Tesaṃ evaṃ vicarantānaṃ vikkhittabhāvo anekaggatākāro nāma. Tato coresu yathāvutte divase anāgacchantesu ‘‘tucchakasāsanaṃ taṃ bhavissati, gāmaṃ pavisissāmā’’ti saparikkhārā gāmaṃ pavisanti, atha tesaṃ paviṭṭhabhāvaṃ ñatvā gāmaṃ parivāretvā dvāre aggiṃ datvā manusse ghātetvā corā sabbaṃ vibhavaṃ vilumpetvā gacchanti. Tesu ghātitāvasesā aggiṃ nibbāpetvā koṭṭhacchāyabhitticchāyādīsu tattha tattha laggitvā nisīdanti naṭṭhaṃ anusocamānā. Ayaṃ upasaṭṭhākāro lagganākāro nāma.

**Naḷāgārā**ti naḷehi paricchannā agārā, sesasambhārā panettha rukkhamayā honti. Tiṇāgārepi eseva nayo. **Bālato uppajjantī**ti bālameva nissāya uppajjanti. Bālo hi apaṇḍitapuriso rajjaṃ vā uparajjaṃ vā aññaṃ vā pana mahantaṃ ṭhānaṃ patthento katipaye attanā sadise vidhavāputte mahādhutte gahetvā ‘‘etha ahaṃ tumhe issare karissāmī’’ti pabbatagahanādīni nissāya antante gāme paharanto dāmarikabhāvaṃ jānāpetvā anupubbena nigamepi janapadepi paharati, manussā gehāni chaḍḍetvā khemantaṭṭhānaṃ patthayamānā pakkamanti, te nissāya vasantā bhikkhūpi bhikkhuniyopi attano attano vasanaṭṭhānāni pahāya pakkamanti. Gatagataṭṭhāne bhikkhāpi senāsanampi dullabhaṃ hoti. Evaṃ catunnaṃ parisānaṃ bhayaṃ āgatameva hoti. Pabbajitesupi dve bālā bhikkhū aññamaññaṃ vivādaṃ paṭṭhapetvā codanaṃ ārabhanti. Iti kosambivāsikānaṃ viya mahākalaho uppajjati, catunnaṃ parisānaṃ bhayaṃ āgatameva hotīti evaṃ yāni kānici bhayāni uppajjanti, sabbāni tāni bālato uppajjantīti veditabbāni.

**Etadavocā**ti bhagavatā dhammadesanā matthakaṃ apāpetvāva niṭṭhāpitā. Yaṃnūnāhaṃ dasabalaṃ pucchitvā sabbaññutaññāṇenevassa desanāya pāripūriṃ kareyyanti cintetvā etaṃ ‘‘kittāvatā nu kho, bhante’’tiādivacanaṃ avoca.

**125**. Aṭṭhārasasu dhātūsu aḍḍhekādasadhātuyo rūpapariggaho, aḍḍhaṭṭhamakadhātuyo arūpapariggahoti rūpārūpapariggahova kathito. Sabbāpi khandhavasena pañcakkhandhā honti. Pañcapi khandhā dukkhasaccaṃ, tesaṃ samuṭṭhāpikā taṇhā samudayasaccaṃ, ubhinnaṃ appavatti nirodhasaccaṃ, nirodhapajānanā paṭipadā maggasaccaṃ. Iti catusaccakammaṭṭhānaṃ ekassa bhikkhuno niggamanaṃ matthakaṃ pāpetvā kathitaṃ hoti. Ayamettha saṅkhepo, vitthārato panetā dhātuyo **visuddhimagge** kathitāva. **Jānāti passatī**ti saha vipassanāya maggo vutto.

Pathavīdhātuādayo saviññāṇakakāyaṃ suññato nissattato dassetuṃ vuttā. Tāpi purimāhi aṭṭhārasahi dhātūhi pūretabbā. Pūrentena viññāṇadhātuto nīharitvā pūretabbā. Viññāṇadhātu hesā cakkhuviññāṇādivasena chabbidhā hoti. Tattha cakkhuviññāṇadhātuyā pariggahitāya tassā vatthu cakkhudhātu, ārammaṇaṃ rūpadhātūti dve dhātuyo pariggahitāva honti. Esa nayo sabbattha. Manoviññāṇadhātuyā pana pariggahitāya tassā purimapacchimavasena manodhātu, ārammaṇavasena dhammadhātūti dve dhātuyo pariggahitāva honti. Iti imāsu aṭṭhārasasu dhātūsu aḍḍhekādasadhātuyo rūpapariggahoti purimanayeneva idampi ekassa bhikkhuno niggamanaṃ matthakaṃ pāpetvā kathitaṃ hoti.

**Sukhadhātū**tiādīsu sukhañca taṃ nissattasuññataṭṭhena dhātu cāti sukhadhātu. Esa nayo sabbattha. Ettha ca purimā catasso dhātuyo sappaṭipakkhavasena gahitā, pacchimā dve sarikkhakavasena. Avibhūtabhāvena hi upekkhādhātu avijjādhātuyā sarikkhā. Ettha ca sukhadukkhadhātūsu pariggahitāsu kāyaviññāṇadhātu pariggahitāva hoti, sesāsu pariggahitāsu manoviññāṇadhātu pariggahitāva hoti. Imāpi cha dhātuyo heṭṭhā aṭṭhārasahiyeva pūretabbā. Pūrentena upekkhādhātuto nīharitvā pūretabbā. Iti imāsu aṭṭhārasasu dhātūsu aḍḍhekādasadhātuyo rūpapariggahoti purimanayeneva idampi ekassa bhikkhuno niggamanaṃ matthakaṃ pāpetvā kathitaṃ hoti.

Kāmadhātuādīnaṃ dvedhāvitakke (ma. ni. 1.206) kāmavitakkādīsu vuttanayeneva attho veditabbo. Abhidhammepi ‘‘tattha katamā kāmadhātu, kāmapaṭisaṃyutto takko vitakko’’tiādinā (vibha. 182) nayeneva etāsaṃ vitthāro āgatoyeva. Imāpi cha dhātuyo heṭṭhā aṭṭhārasahiyeva pūretabbā. Pūrentena kāmadhātuto nīharitvā pūretabbā. Iti imāsu aṭṭhārasasu dhātūsu aḍḍhekādasadhātuyo rūpapariggahoti purimanayeneva idampi ekassa bhikkhuno niggamanaṃ matthakaṃ pāpetvā kathitaṃ hoti.

Kāmadhātuādīsu pañca kāmāvacarakkhandhā kāmadhātu nāma, pañca rūpāvacarakkhandhā rūpadhātu nāma, cattāro arūpāvacarakkhandhā arūpadhātu nāma. Abhidhamme pana ‘‘tattha katamā kāmadhātu, heṭṭhato avīcinirayaṃ pariyantaṃ karitvā’’tiādinā (vibha. 182) nayena etāsaṃ vitthāro āgatoyeva. Imāpi tisso dhātuyo heṭṭhā aṭṭhārasahiyeva pūretabbā. Pūrentena kāmadhātuto nīharitvā pūretabbā. Iti imāsu aṭṭhārasasu dhātūsu aḍḍhekādasadhātuyo rūpapariggahoti purimanayeneva idampi ekassa bhikkhuno niggamanaṃ matthakaṃ pāpetvā kathitaṃ hoti.

**Saṅkhatā**ti paccayehi samāgantvā katā, pañcannaṃ khandhānametaṃ adhivacanaṃ. Na saṅkhatā **asaṅkhatā**. Nibbānassetaṃ adhivacanaṃ. Imāpi dve dhātuyo heṭṭhā aṭṭhārasahiyeva pūretabbā. Pūrentena saṅkhatadhātuto nīharitvā pūretabbā. Iti imāsu aṭṭhārasasu dhātūsu aḍḍhekādasadhātuyo rūpapariggahoti purimanayeneva idampi ekassa bhikkhuno niggamanaṃ matthakaṃ pāpetvā kathitaṃ hoti.

**126**. **Ajjhattikabāhirānī**ti ajjhattikāni ca bāhirāni ca. Ettha hi cakkhuādīni ajjhattikāni cha, rūpādīni bāhirāni cha. Idhāpi **jānāti passatī**ti saha vipassanāya maggo kathito.

**Imasmiṃ** **sati ida**ntiādi mahātaṇhāsaṅkhaye vitthāritameva.

**127**. **Aṭṭhāna**nti hetupaṭikkhepo. **Anavakāso**ti paccayapaṭikkhepo. Ubhayenāpi kāraṇameva paṭikkhipati. Kāraṇañhi tadāyattavuttitāya attano phalassa ṭhānanti ca avakāsoti ca vuccati. **Ya**nti yena kāraṇena. **Diṭṭhisampanno**ti maggadiṭṭhiyā sampanno sotāpanno ariyasāvako. **Kañci saṅkhāra**nti catubhūmakesu saṅkhatasaṅkhāresu kañci ekasaṅkhārampi. **Niccato upagaccheyyā**ti niccoti gaṇheyya. **Netaṃ ṭhānaṃ vijjatī**ti etaṃ kāraṇaṃ natthi na upalabbhati. **Yaṃ puthujjano**ti yena kāraṇena puthujjano. **Ṭhānametaṃ vijjatī**ti etaṃ kāraṇaṃ atthi. Sassatadiṭṭhiyā hi so tebhūmakesu saṅkhatasaṅkhāresu kañci saṅkhāraṃ niccato gaṇheyyāti attho. Catutthabhūmakasaṅkhārā pana tejussadattā divasaṃ santatto ayoguḷo viya makkhikānaṃ diṭṭhiyā vā aññesaṃ vā akusalānaṃ ārammaṇaṃ na honti. Iminā nayena **kañci saṅkhāraṃ sukhato**tiādīsupi attho veditabbo.

**Sukhato upagaccheyyā**ti ‘‘ekantasukhī attā hoti arogo paraṃ maraṇā’’ti (ma. ni. 3.21, 22) evaṃ attadiṭṭhivasena sukhato gāhaṃ sandhāyetaṃ vuttaṃ. Diṭṭhivippayuttacittena pana ariyasāvako pariḷāhābhibhūto pariḷāhavūpasamatthaṃ mattahatthiṃ parittāsito viya, cokkhabrāhmaṇo viya ca gūthaṃ kañci saṅkhāraṃ sukhato upagacchati. Attavāre kasiṇādipaṇṇattisaṅgahatthaṃ saṅkhāranti avatvā kañci dhammanti vuttaṃ. Idhāpi ariyasāvakassa catubhūmakavasena veditabbo, puthujjanassa tebhūmakavasena. Sabbavāresu ariyasāvakassāpi tebhūmakavaseneva paricchedo vaṭṭati. Yaṃ yañhi puthujjano gaṇhāti, tato tato ariyasāvako gāhaṃ viniveṭheti. Puthujjano hi yaṃ yaṃ niccaṃ sukhaṃ attāti gaṇhāti, taṃ taṃ ariyasāvako aniccaṃ dukkhaṃ anattāti gaṇhanto taṃ gāhaṃ viniveṭheti.

**128**. **Mātara**ntiādīsu janikāva mātā, janako pitā, manussabhūtova khīṇāsavo arahāti adhippeto. Kiṃ pana ariyasāvako aññaṃ jīvitā voropeyyāti? Etampi aṭṭhānaṃ. Sacepi hi bhavantaragataṃ ariyasāvakaṃ attano ariyabhāvaṃ ajānantampi koci evaṃ vadeyya ‘‘imaṃ kunthakipillikaṃ jīvitā voropetvā sakalacakkavāḷagabbhe cakkavattirajjaṃ paṭipajjāhī’’ti, neva so taṃ jīvitā voropeyya. Athāpi naṃ evaṃ vadeyya ‘‘sace imaṃ na ghātessasi, sīsaṃ te chindissāmā’’ti. Sīsamevassa chindeyya, na ca so taṃ ghāteyya. Puthujjanabhāvassa pana mahāsāvajjabhāvadassanatthaṃ ariyasāvakassa ca baladīpanatthametaṃ vuttaṃ. Ayañhettha adhippāyo – sāvajjo puthujjanabhāvo, yatra hi nāma puthujjano mātughātādīnipi ānantariyāni karissati. Mahābalo ca ariyasāvako, yo etāni kammāni na karotīti.

**Duṭṭhacitto**ti vadhakacittena paduṭṭhacitto. **Lohitaṃ uppādeyyā**ti jīvamānakasarīre khuddakamakkhikāya pivanamattampi lohitaṃ uppādeyya. **Saṅghaṃ bhindeyyā**ti samānasaṃvāsakaṃ samānasīmāya ṭhitaṃ pañcahi kāraṇehi saṅghaṃ bhindeyya. Vuttañhetaṃ ‘‘pañcahupāli ākārehi saṅgho bhijjati. Kammena uddesena voharanto anussāvanena salākaggāhenā’’ti (pari. 458).

Tattha **kammenā**ti apalokanādīsu catūsu kammesu aññatarena kammena. **Uddesenā**ti pañcasu pātimokkhuddesesu aññatarena uddesena. **Voharanto**ti kathayanto, tāhi tāhi uppattīhi adhammaṃ dhammotiādīni aṭṭhārasa bhedakaravatthūni dīpento. **Anussāvanenā**ti nanu tumhe jānātha mayhaṃ uccākulā pabbajitabhāvaṃ bahussutabhāvañca, mādiso nāma uddhammaṃ ubbinayaṃ satthusāsanaṃ gāheyyāti cittampi uppādetuṃ tumhākaṃ yuttaṃ, kiṃ mayhaṃ avīci nīluppalavanaṃ viya sītalo, kiṃ ahaṃ apāyato na bhāyāmītiādinā nayena kaṇṇamūle vacībhedaṃ katvā anussāvanena. **Salākaggāhenā**ti evaṃ anussāvetvā tesaṃ cittaṃ upatthambhetvā anivattidhamme katvā ‘‘gaṇhatha imaṃ salāka’’nti salākaggāhena.

Ettha ca kammameva uddeso vā pamāṇaṃ, vohārānussāvanasalākaggāhā pana pubbabhāgā. Aṭṭhārasavatthudīpanavasena hi voharantena tattha rucijananatthaṃ anussāvetvā salākāya gāhitāyapi abhinnova hoti saṅgho. Yadā pana evaṃ cattāro vā atirekā vā salākaṃ gāhetvā āveṇikaṃ kammaṃ vā uddesaṃ vā karonti, tadā saṅgho bhinno nāma hoti. Evaṃ diṭṭhisampanno puggalo saṅghaṃ bhindeyyāti netaṃ ṭhānaṃ vijjati. Ettāvatā mātughātādīni pañca ānantariyakammāni dassitāni honti, yāni puthujjano karoti, na ariyasāvako, tesaṃ āvibhāvatthaṃ –

Kammato dvārato ceva, kappaṭṭhitiyato tathā;

Pākasādhāraṇādīhi, viññātabbo vinicchayo.

Tattha **kammato** tāva – ettha hi manussabhūtasseva manussabhūtaṃ mātaraṃ vā pitaraṃ vā api parivattaliṅgaṃ jīvitā voropentassa kammaṃ ānantariyaṃ hoti, tassa vipākaṃ paṭibāhissāmīti sakalacakkavāḷaṃ mahācetiyappamāṇehi kañcanathūpehi pūretvāpi sakalacakkavāḷaṃ pūretvā nisinnabhikkhusaṅghassa mahādānaṃ datvāpi buddhassa bhagavato saṅghāṭikaṇṇaṃ amuñcanto vicaritvāpi kāyassa bhedā nirayameva upapajjati. Yo pana sayaṃ manussabhūto tiracchānabhūtaṃ mātaraṃ vā pitaraṃ vā, sayaṃ vā tiracchānabhūto manussabhūtaṃ, tiracchānoyeva vā tiracchānabhūtaṃ jīvitā voropeti, tassa kammaṃ ānantariyaṃ na hoti, bhāriyaṃ pana hoti, ānantariyaṃ āhacceva tiṭṭhati. Manussajātikānaṃ pana vasena ayaṃ pañho kathito.

Tattha eḷakacatukkaṃ saṅgāmacatukkaṃ coracatukkañca kathetabbaṃ. Eḷakaṃ māremīti abhisandhināpi hi eḷakaṭṭhāne ṭhitaṃ manusso manussabhūtaṃ mātaraṃ vā pitaraṃ vā mārento ānantariyaṃ phusati. Eḷakābhisandhinā pana mātāpitāabhisandhinā vā eḷakaṃ mārento ānantariyaṃ na phusati. Mātāpitāabhisandhinā mātāpitaro mārento phusateva. Eseva nayo itarasmimpi catukkadvaye. Yathā ca mātāpitūsu, evaṃ arahantepi etāni catukkāni veditabbāni.

Manussaarahantameva māretvā ānantariyaṃ phusati, na yakkhabhūtaṃ. Kammaṃ pana bhāriyaṃ, ānantariyasadisameva. Manussaarahantassa ca puthujjanakāleyeva satthappahāre vā vise vā dinnepi yadi so arahattaṃ patvā teneva marati, arahantaghāto hotiyeva. Yaṃ pana puthujjanakāle dinnaṃ dānaṃ arahattaṃ patvā paribhuñjati, puthujjanasseva dinnaṃ hoti. Sesaariyapuggale mārentassa ānantariyaṃ natthi. Kammaṃ pana bhāriyaṃ, ānantariyasadisameva.

**Lohituppāde** tathāgatassa abhejjakāyatāya parūpakkamena cammacchedaṃ katvā lohitapaggharaṇaṃ nāma natthi. Sarīrassa pana antoyeva ekasmiṃyeva ṭhāne lohitaṃ samosarati. Devadattena paviddhasilato bhijjitvā gatā sakalikāpi tathāgatassa pādantaṃ pahari, pharasunā pahaṭo viya pādo antolohitoyeva ahosi. Tathā karontassa ānantariyaṃ hoti. Jīvako pana tathāgatassa ruciyā satthakena cammaṃ chinditvā tamhā ṭhānā duṭṭhalohitaṃ nīharitvā phāsumakāsi, tathā karontassa puññakammameva hoti.

Atha ye ca parinibbute tathāgate cetiyaṃ bhindanti, bodhiṃ chindanti dhātumhi upakkamanti, tesaṃ kiṃ hotīti? Bhāriyaṃ kammaṃ hoti ānantariyasadisaṃ. Sadhātukaṃ pana thūpaṃ vā paṭimaṃ vā bādhamānaṃ bodhisākhaṃ chindituṃ vaṭṭati. Sacepi tattha nilīnā sakuṇā cetiye vaccaṃ pātenti, chindituṃ vaṭṭatiyeva. Paribhogacetiyato hi sarīracetiyaṃ mahantataraṃ. Cetiyavatthuṃ bhinditvā gacchantaṃ bodhimūlampi chinditvā harituṃ vaṭṭati. Yā pana bodhisākhā bodhigharaṃ bādhati, taṃ geharakkhaṇatthaṃ chindituṃ na labhati, bodhiatthañhi gehaṃ, na gehatthāya bodhi. Āsanagharepi eseva nayo. Yasmiṃ pana āsanaghare dhātu nihitā hoti, tassa rakkhaṇatthāya bodhisākhaṃ chindituṃ vaṭṭati. Bodhijagganatthaṃ ojoharaṇasākhaṃ vā pūtiṭṭhānaṃ vā chindituṃ vaṭṭatiyeva, bhagavato sarīrapaṭijaggane viya puññampi hoti.

Saṅghabhede sīmaṭṭhakasaṅghe asannipatite visuṃ parisaṃ gahetvā katavohārānussāvana-salākaggāhassa kammaṃ vā karontassa, uddesaṃ vā uddisantassa bhedo ca hoti ānantariyakammañca. Samaggasaññāya pana vaṭṭatīti kammaṃ karontassa bhedova hoti, na ānantariyakammaṃ, tathā navato ūnaparisāyaṃ. Sabbantimena paricchedena navannaṃ janānaṃ yo saṅghaṃ bhindati, tassa ānantariyakammaṃ hoti. Anuvattakānaṃ adhammavādīnaṃ mahāsāvajjakammaṃ. Dhammavādino pana anavajjā.

Tattha navannameva saṅghabhede idaṃ suttaṃ – ‘‘ekato upāli cattāro honti, ekato cattāro, navamo anussāveti, salākaṃ gāheti ‘ayaṃ dhammo ayaṃ vinayo idaṃ satthusāsanaṃ, idaṃ gaṇhatha, imaṃ rocethā’ti, evaṃ kho, upāli, saṅgharāji ceva hoti saṅghabhedo ca. Navannaṃ vā, upāli, atirekanavannaṃ vā saṅgharāji ceva hoti saṅghabhedo cā’’ti (cūḷava. 351). Etesu pana pañcasu saṅghabhedo vacīkammaṃ, sesāni kāyakammānīti. Evaṃ kammato viññātabbo vinicchayo.

**Dvārato**ti sabbāneva cetāni kāyadvāratopi vacīdvāratopi samuṭṭhahanti. Purimāni panettha cattāri āṇattikavijjāmayapayogavasena vacīdvārato samuṭṭhahitvāpi kāyadvārameva pūrenti, saṅghabhedo hatthamuddāya bhedaṃ karontassa kāyadvārato samuṭṭhahitvāpi vacīdvārameva pūretīti. Evamettha dvāratopi viññātabbo vinicchayo.

**Kappaṭṭhitiyato**ti saṅghabhedoyeva cettha kappaṭṭhitiyo. Saṇṭhahante hi kappe kappavemajjhe vā saṅghabhedaṃ katvā kappavināseyeva muccati. Sacepi hi sveva kappo vinassissatīti ajja saṅghabhedaṃ karoti, sveva muccati, ekadivasameva niraye paccati. Evaṃ karaṇaṃ pana natthi. Sesāni cattāri kammāni ānantariyāneva honti, na kappaṭṭhitiyānīti evamettha kappaṭṭhitiyatopi viññātabbo vinicchayo.

**Pākato**ti yena ca pañcape’tāni kammāni katāni honti, tassa saṅghabhedoyeva paṭisandhivasena vipaccati, sesāni ‘‘ahosikammaṃ, nāhosi kammavipāko’’ti evamādīsu saṅkhyaṃ gacchanti. Saṅghassa bhedābhāve lohituppādo, tadabhāve arahantaghāto, tadabhāve ca sace pitā sīlavā hoti, mātā dussīlā, no vā tathā sīlavatī, pitughāto paṭisandhivasena vipaccati. Sace mātāpitughāto, dvīsupi sīlena vā dussīlena vā samānesu mātughātova paṭisandhivasena vipaccati. Mātā hi dukkarakārinī bahūpakārā ca puttānanti evamettha pākatopi viññātabbo vinicchayo.

**Sādhāraṇādīhī**ti purimāni cattāri sabbesampi gahaṭṭhapabbajitānaṃ sādhāraṇāni. Saṅghabhedo pana ‘‘na kho, upāli bhikkhunī, saṅghaṃ bhindati, na sikkhamānā, na sāmaṇero, na sāmaṇerī, na upāsako, na upāsikā saṅghaṃ bhindati, bhikkhu kho, upāli, pakatatto samānasaṃvāsako samānasīmāyaṃ ṭhito saṅghaṃ bhindatī’’ti (cūḷava. 351) vacanato vuttappakārassa bhikkhunova hoti, na aññassa, tasmā asādhāraṇo. Ādisaddena sabbepi te dukkhavedanāsahagatā dosamohasampayuttā cāti evamettha sādhāraṇādīhipi viññātabbo vinicchayo.

**Aññaṃ satthāra**nti ‘‘ayaṃ me satthā satthukiccaṃ kātuṃ asamattho’’ti bhavantarepi aññaṃ titthakaraṃ ‘‘ayaṃ me satthā’’ti evaṃ gaṇheyya, netaṃ ṭhānaṃ vijjatīti attho.

**129**. **Ekissā lokadhātuyā**ti dasasahassilokadhātuyā. **Tīṇi** hi **khettāni** jātikhettaṃ āṇākhettaṃ visayakhettaṃ. Tattha **jātikhettaṃ** nāma dasasahassī lokadhātu. Sā hi tathāgatassa mātukucchiokkamanakāle nikkhamanakāle sambodhikāle dhammacakkappavattane āyusaṅkhārossajjane parinibbāne ca kampati. Koṭisatasahassacakkavāḷaṃ pana **āṇākhettaṃ** nāma. Āṭānāṭiyamoraparittadhajaggaparittaratanaparittādīnañhi ettha āṇā vattati. **Visayakhettassa** pana parimāṇaṃ natthi. Buddhānañhi ‘‘yāvatakaṃ ñāṇaṃ tāvatakaṃ neyyaṃ, yāvatakaṃ neyyaṃ tāvatakaṃ ñāṇaṃ, ñāṇapariyantikaṃ neyyaṃ neyyapariyantikaṃ ñāṇa’’nti (paṭi. ma. 3.5) vacanato avisayo nāma natthi.

Imesu pana tīsu khettesu ṭhapetvā imaṃ cakkavāḷaṃ aññasmiṃ cakkavāḷe buddhā uppajjantīti suttaṃ natthi, na uppajjantīti pana atthi. **Tīṇi piṭakāni** vinayapiṭakaṃ suttantapiṭakaṃ abhidhammapiṭakaṃ, **tisso saṅgītiyo** mahākassapattherassa saṅgīti, yasattherassa saṅgīti, moggaliputtatissattherassa saṅgītīti. Imā tisso saṅgītiyo āruḷhe tepiṭake buddhavacane imaṃ cakkavāḷaṃ muñcitvā aññattha buddhā uppajjantīti suttaṃ natthi, na uppajjantīti pana atthi.

**Apubbaṃ acarima**nti apure apacchā. Ekato na uppajjanti, pure vā pacchā vā uppajjantīti vuttaṃ hoti. Tattha hi bodhipallaṅke bodhiṃ appatvā na uṭṭhahissāmīti nisinnakālato paṭṭhāya yāva mātukucchismiṃ paṭisandhiggahaṇaṃ, tāva pubbeti na veditabbaṃ. Bodhisattassa hi paṭisandhiggahaṇena dasasahassacakkavāḷakampaneneva khettapariggaho kato, aññassa buddhassa uppatti nivāritāva hoti. Parinibbānakālato paṭṭhāya yāva sāsapamattā dhātu tiṭṭhati, tāva pacchāti na veditabbaṃ. Dhātūsu hi ṭhitāsu buddhā ṭhitāva honti. Tasmā etthantare aññassa buddhassa uppatti nivāritāva hoti. Dhātuparinibbāne pana jāte aññassa buddhassa uppatti na nivāritā.

**Tīṇi hi antaradhānāni** nāma pariyattiantaradhānaṃ, paṭivedhaantaradhānaṃ, paṭipattiantaradhānanti. Tattha **pariyattī**ti tīṇi piṭakāni. **Paṭivedho**ti saccapaṭivedho. **Paṭipattī**ti paṭipadā. Tattha paṭivedho ca paṭipatti ca hotipi na hotipi. Ekasmiñhi kāle paṭivedhadharā bhikkhū bahū honti, eso bhikkhu puthujjanoti aṅguliṃ pasāretvā dassetabbo hoti. Imasmiṃyeva dīpe ekavāre puthujjanabhikkhu nāma nāhosi. Paṭipattipūrikāpi kadāci bahū honti kadāci appā. Iti paṭivedho ca paṭipatti ca hotipi na hotipi, sāsanaṭṭhitiyā pana **pariyatti pamāṇaṃ**.

Paṇḍito hi tepiṭakaṃ sutvā dvepi pūreti. Yathā amhākaṃ bodhisatto āḷārassa santike pañcābhiññā satta ca samāpattiyo nibbattetvā nevasaññānāsaññāyatanasamāpattiyā parikammaṃ pucchi, so na jānāmīti āha. Tato udakassa santikaṃ gantvā adhigataṃ visesaṃ saṃsandetvā nevasaññānāsaññāyatanassa parikammaṃ pucchi, so ācikkhi, tassa vacanasamanantarameva mahāsatto taṃ sampādesi, evameva paññavā bhikkhu pariyattiṃ sutvā dvepi pūreti. Tasmā pariyattiyā ṭhitāya sāsanaṃ ṭhitaṃ hoti.

Yadā pana sā antaradhāyati, tadā paṭhamaṃ **abhidhammapiṭakaṃ** nassati. Tattha paṭṭhānaṃ sabbapaṭhamaṃ antaradhāyati, anukkamena pacchā dhammasaṅgaho, tasmiṃ antarahite itaresu dvīsu piṭakesu ṭhitesu sāsanaṃ ṭhitameva hoti. Tattha suttantapiṭake antaradhāyamāne paṭhamaṃ aṅguttaranikāyo ekādasakato paṭṭhāya yāva ekakā antaradhāyati, tadanantaraṃ saṃyuttanikāyo cakkapeyyālato paṭṭhāya yāva oghataraṇā antaradhāyati, tadanantaraṃ majjhimanikāyo indriyabhāvanato paṭṭhāya yāva mūlapariyāyā antaradhāyati, tadanantaraṃ dīghanikāyo dasuttarato paṭṭhāya yāva brahmajālā antaradhāyati. Ekissāpi dvinnampi gāthānaṃ pucchā addhānaṃ gacchati, sāsanaṃ dhāretuṃ na sakkoti sabhiyapucchā (su. ni. sabhiyasuttaṃ) viya āḷavakapucchā (su. ni. āḷavakasuttaṃ; saṃ. ni. 1.246) viya ca. Etā kira kassapabuddhakālikā antarā sāsanaṃ dhāretuṃ nāsakkhiṃsu.

Dvīsu pana piṭakesu antarahitesupi vinayapiṭake ṭhite sāsanaṃ tiṭṭhati, parivārakhandhakesu antarahitesu ubhatovibhaṅge ṭhite ṭhitameva hoti. Ubhatovibhaṅge antarahite mātikāya ṭhitāyapi ṭhitameva hoti. Mātikāya antarahitāya pātimokkhapabbajjaupasampadāsu ṭhitāsu sāsanaṃ tiṭṭhati. Liṅgamaddhānaṃ gacchati, setavatthasamaṇavaṃso pana kassapabuddhakālato paṭṭhāya sāsanaṃ dhāretuṃ nāsakkhi. Pacchimakassa pana saccapaṭivedhato pacchimakassa sīlabhedato ca paṭṭhāya sāsanaṃ osakkitaṃ nāma hoti. Tato paṭṭhāya aññassa buddhassa uppatti na vāritāti.

**Tīṇi parinibbānāni** nāma kilesaparinibbānaṃ khandhaparinibbānaṃ dhātuparinibbānanti. Tattha kilesaparinibbānaṃ bodhipallaṅke ahosi, khandhaparinibbānaṃ kusinārāyaṃ, dhātuparinibbānaṃ anāgate bhavissati. Sāsanassa kira osakkanakāle imasmiṃ tambapaṇṇidīpe dhātuyo sannipatitvā mahācetiyaṃ gamissanti, mahācetiyato nāgadīpe rājāyatanacetiyaṃ, tato mahābodhipallaṅkaṃ gamissanti, nāgabhavanatopi devalokatopi brahmalokatopi dhātuyo mahābodhipallaṅkameva gamissanti. Sāsapamattāpi dhātu antarā na nassissati. Sabbā dhātuyo mahābodhipallaṅke rāsibhūtā suvaṇṇakkhandho viya ekagghanā hutvā chabbaṇṇarasmiyo vissajjessanti, tā dasasahassilokadhātuṃ pharissanti.

Tato dasasahassacakkavāḷe devatā yo sannipatitvā ‘‘ajja satthā parinibbāyati, ajja sāsanaṃ osakkati, pacchimadassanaṃ dāni idaṃ amhāka’’nti dasabalassa parinibbutadivasato mahantataraṃ kāruññaṃ karissanti. Ṭhapetvā anāgāmikhīṇāsave avasesā sakabhāvena saṇṭhātuṃ na sakkhissanti. Dhātūsu tejodhātu uṭṭhahitvā yāva brahmalokā uggacchissati, sāsapamattāyapi dhātuyā sati ekajālāva bhavissati, dhātūsu pariyādānaṃ gatāsu pacchijjissati. Evaṃ mahantaṃ ānubhāvaṃ dassetvā dhātūsu antarahitāsu sāsanaṃ antarahitaṃ nāma hoti. Yāva evaṃ na anantaradhāyati, tāva acarimaṃ nāma hoti. Evaṃ apubbaṃ acarimaṃ uppajjeyyunti netaṃ ṭhānaṃ vijjati.

Kasmā pana apubbaṃ acarimaṃ na uppajjantīti. Anacchariyattā. Buddhā hi acchariyamanussā. Yathāha – ‘‘ekapuggalo, bhikkhave, loke uppajjamāno uppajjati acchariyamanusso, katamo ekapuggalo, tathāgato arahaṃ sammāsambuddho’’ti (a. ni. 1.171-174).

Yadi ca dve vā cattāro vā aṭṭha vā soḷasa vā ekato uppajjeyyuṃ, na acchariyā bhaveyyuṃ. Ekasmiñhi vihāre dvinnaṃ cetiyānampi lābhasakkāro uḷāro na hoti bhikkhūpi bahutāya na acchariyā jātā, evaṃ buddhāpi bhaveyyuṃ. Tasmā na uppajjanti.

Desanāya ca visesābhāvato. Yañhi satipaṭṭhānādibhedaṃ dhammaṃ eko deseti, aññena uppajjitvāpi sova desetabbo siyā. Tato na acchariyo siyā, ekasmiṃ pana dhammaṃ desente desanāpi acchariyā hoti.

Vivādābhāvato ca. Bahūsu ca buddhesu uppajjantesu bahūnaṃ ācariyānaṃ antevāsikā viya ‘‘amhākaṃ buddho pāsādiko, amhākaṃ buddho madhurassaro lābhī puññavā’’ti vivadeyyuṃ, tasmāpi evaṃ na uppajjanti. Apicetaṃ kāraṇaṃ milindaraññā puṭṭhena nāgasenattherena vitthāritameva. Vuttañhi (mi. pa. 5.1.1) –

‘‘Tattha, bhante nāgasena, bhāsitampetaṃ bhagavatā ‘aṭṭhānametaṃ, bhikkhave, anavakāso, yaṃ ekissā lokadhātuyā dve arahanto sammāsambuddhā apubbaṃ acarimaṃ uppajjeyyuṃ, netaṃ ṭhānaṃ vijjatī’ti. Desentā ca, bhante nāgasena, sabbepi tathāgatā sattatiṃsa bodhipakkhiyadhamme desenti, kathayamānā ca cattāri ariyasaccāni kathenti, sikkhāpentā ca tīsu sikkhāsu sikkhāpenti, anusāsamānā ca appamādapaṭipattiyaṃ anusāsanti. Yadi, bhante nāgasena, sabbesampi tathāgatānaṃ ekā desanā ekā kathā ekā sikkhā ekā anusiṭṭhi, kena kāraṇena dve tathāgatā ekakkhaṇe nuppajjanti? Ekenapi tāva buddhuppādena ayaṃ loko obhāsajāto. Yadi dutiyo buddho bhaveyya, dvinnaṃ pabhāya ayaṃ loko bhiyyosomattāya obhāsajāto bhaveyya. Ovadamānā ca dve tathāgatā sukhaṃ ovadeyyuṃ, anusāsamānā ca sukhaṃ anusāseyyuṃ, tattha me kāraṇaṃ brūhi, yathāhaṃ nissaṃsayo bhaveyyanti.

Ayaṃ mahārāja dasasahassī lokadhātu ekabuddhadhāraṇī, ekasseva tathāgatassa guṇaṃ dhāreti, yadi dutiyo buddho uppajjeyya, nāyaṃ dasasahassī lokadhātu dhāreyya, caleyya kampeyya nameyya onameyya vinameyya vikireyya vidhameyya viddhaṃseyya, na ṭhānamupagaccheyya.

Yathā, mahārāja, nāvā ekapurisasandhāraṇī bhaveyya. Ekasmiṃ purise abhirūḷhe sā nāvā samupādikā bhaveyya. Atha dutiyo puriso āgaccheyya tādiso āyunā vaṇṇena vayena pamāṇena kisathūlena sabbaṅgapaccaṅgena, so taṃ nāvaṃ abhirūheyya. Apinu sā mahārāja, nāvā dvinnampi dhāreyyāti? Na hi, bhante, caleyya kampeyya nameyya onameyya vinameyya vikireyya vidhameyya viddhaṃseyya, na ṭhānamupagaccheyya, osīdeyya udaketi. Evameva kho, mahārāja, ayaṃ dasasahassī lokadhātu ekabuddhadhāraṇī, ekasseva tathāgatassa guṇaṃ dhāreti, yadi dutiyo buddho uppajjeyya, nāyaṃ dasasahassī lokadhātu dhāreyya, caleyya…pe… na ṭhānamupagaccheyya.

Yathā vā pana mahārāja puriso yāvadatthaṃ bhojanaṃ bhuñjeyya chādentaṃ yāvakaṇṭhamabhipūrayitvā, so dhāto pīṇito paripuṇṇo nirantaro tandikato anonamitadaṇḍajāto punadeva tattakaṃ bhojanaṃ bhuñjeyya, apinu kho, mahārāja, puriso sukhito bhaveyyāti? Na hi, bhante, sakiṃ bhuttova mareyyāti. Evameva kho, mahārāja, ayaṃ dasasahassī lokadhātu ekabuddhadhāraṇī …pe… na ṭhānamupagaccheyyāti.

Kiṃ nu kho, bhante nāgasena, atidhammabhārena pathavī calatīti? Idha, mahārāja, dve sakaṭā ratanaparipūritā bhaveyyuṃ yāva mukhasamā. Ekasmā sakaṭato ratanaṃ gahetvā ekasmiṃ sakaṭe ākireyyuṃ, apinu kho taṃ, mahārāja, sakaṭaṃ dvinnampi sakaṭānaṃ ratanaṃ dhāreyyāti? Na hi, bhante, nābhipi tassa phaleyya, arāpi tassa bhijjeyyuṃ, nemipi tassa opateyya, akkhopi tassa bhijjeyyāti. Kiṃ nu kho, mahārāja, atiratanabhārena sakaṭaṃ bhijjatīti? Āma, bhanteti. Evameva kho, mahārāja, atidhammabhārena pathavī calatīti.

Apica mahārāja imaṃ kāraṇaṃ buddhabalaparidīpanāya osāritaṃ, aññampi tattha abhirūpaṃ kāraṇaṃ suṇohi, yena kāraṇena dve sammāsambuddhā ekakkhaṇe nuppajjanti. Yadi, mahārāja, dve sammāsambuddhā ekakkhaṇe uppajjeyyuṃ, tesaṃ parisāya vivādo uppajjeyya – ‘‘tumhākaṃ buddho amhākaṃ buddho’’ti ubhatopakkhajātā bhaveyyuṃ. Yathā, mahārāja, dvinnaṃ balavāmaccānaṃ parisāya vivādo uppajjeyya ‘tumhākaṃ amacco amhākaṃ amacco’ti ubhatopakkhajātā honti, evameva kho, mahārāja, yadi, dve sammāsambuddhā ekakkhaṇe uppajjeyyuṃ, tesaṃ parisāya vivādo uppajjeyya ‘tumhākaṃ buddho amhākaṃ buddho’ti ubhatopakkhajātā bhaveyyuṃ. Idaṃ tāva, mahārāja, ekaṃ kāraṇaṃ, yena kāraṇena dve sammāsambuddhā ekakkhaṇe nuppajjanti.

Aparampi, mahārāja, uttariṃ kāraṇaṃ suṇohi, yena kāraṇena dve sammāsambuddhā ekakkhaṇe nuppajjanti. Yadi, mahārāja, dve sammāsambuddhā ekakkhaṇe uppajjeyyuṃ, aggo buddhoti yaṃ vacanaṃ, taṃ micchā bhaveyya. Jeṭṭho buddhoti yaṃ vacanaṃ, taṃ micchā bhaveyya. Seṭṭho buddhoti, visiṭṭho buddhoti, uttamo buddhoti, pavaro buddhoti, asamo buddhoti, asamasamo buddhoti, appaṭisamo buddhoti, appaṭibhāgo buddhoti, appaṭipuggalo buddhoti yaṃ vacanaṃ, taṃ micchā bhaveyya. Idampi kho tvaṃ, mahārāja, kāraṇaṃ atthato sampaṭiccha, yena kāraṇena dve sammāsambuddhā ekakkhaṇe nuppajjanti.

Apica kho mahārāja buddhānaṃ bhagavantānaṃ sabhāvapakati esā, yaṃ ekoyeva buddho loke uppajjati. Kasmā kāraṇā? Mahantatāya sabbaññubuddhaguṇānaṃ. Aññampi mahārāja yaṃ loke mahantaṃ, taṃ ekaṃyeva hoti. Pathavī, mahārāja, mahantī, sā ekāyeva. Sāgaro mahanto, so ekoyeva. Sineru girirājā mahanto, so ekoyeva. Ākāso mahanto, so ekoyeva. Sakko mahanto, so ekoyeva. Māro mahanto, so ekoyeva. Brahmā mahanto, so ekoyeva. Tathāgato arahaṃ sammāsambuddho mahanto, so ekoyeva lokasmiṃ. Yattha te uppajjanti, tattha aññassa okāso na hoti. Tasmā, mahārāja, tathāgato arahaṃ sammāsambuddho ekoyeva lokasmiṃ uppajjatīti. Sukathito, bhante nāgasena, pañho opammehi kāraṇehī’’ti.

**Ekissā lokadhātuyā**ti ekasmiṃ cakkavāḷe. Heṭṭhā imināva padena dasacakkavāḷasahassāni gahitāni tānipi, ekacakkavāḷeneva paricchindituṃ vaṭṭanti. Buddhā hi uppajjamānā imasmiṃyeva cakkavāḷe uppajjanti, uppajjanaṭṭhāne pana vārite ito aññesu cakkavāḷesu nuppajjantīti vāritameva hoti.

**Apubbaṃ acarima**nti ettha cakkaratanapātubhāvato pubbe pubbaṃ, tasseva antaradhānato pacchā carimaṃ. Tattha dvidhā cakkaratanassa antaradhānaṃ hoti, cakkavattino kālaṃkiriyato vā pabbajjāya vā. Antaradhāyamānañca pana taṃ kālaṃkiriyato vā pabbajjato vā sattame divase antaradhāyati, tato paraṃ cakkavattino pātubhāvo avārito.

Kasmā pana ekacakkavāḷe dve cakkavattino nuppajjantīti. Vivādupacchedato acchariyabhāvato cakkaratanassa mahānubhāvato ca. Dvīsu hi uppajjantesu ‘‘amhākaṃ rājā mahanto amhākaṃ rājā mahanto’’ti vivādo uppajjeyya. Ekasmiṃ dīpe cakkavattīti ca ekasmiṃ dīpe cakkavattīti ca anacchariyā bhaveyyuṃ. Yo cāyaṃ cakkaratanassa dvisahassadīpaparivāresu catūsu mahādīpesu issariyānuppadānasamattho mahānubhāvo, so parihāyetha. Iti vivādupacchedato acchariyabhāvato cakkaratanassa mahānubhāvato ca na ekacakkavāḷe dve uppajjanti.

**130**. **Yaṃ itthī assa arahaṃ sammāsambuddho**ti ettha tiṭṭhatu tāva sabbaññuguṇe nibbattetvā lokuttāraṇasamattho buddhabhāvo, paṇidhānamattampi itthiyā na sampajjati.

Manussattaṃ liṅgasampatti, hetu satthāradassanaṃ;

Pabbajjā guṇasampatti, adhikāro ca chandatā;

Aṭṭhadhammasamodhānā, abhinīhāro samijjhatīti. (bu. vaṃ. 2.59) –

Imāni hi paṇidhānasampattikāraṇāni. Iti paṇidhānampi sampādetuṃ asamatthāya itthiyā kuto buddhabhāvoti ‘‘aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ itthī assa arahaṃ sammāsambuddho’’ti vuttaṃ. Sabbākāraparipūro ca puññussayo sabbākāraparipūrameva attabhāvaṃ nibbattetīti purisova arahaṃ hoti sammāsambuddho.

**Yaṃ itthī rājā assa cakkavattī**tiādīsupi yasmā itthiyā kosohitavatthaguyhatādīnaṃ abhāvena lakkhaṇāni na paripūrenti, itthiratanābhāvena sattaratanasamaṅgitā na sampajjati, sabbamanussehi ca adhiko attabhāvo na hoti, tasmā ‘‘aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ itthī rājā assa cakkavattī’’ti vuttaṃ. Yasmā ca sakkattādīni tīṇi ṭhānāni uttamāni, itthiliṅgañca hīnaṃ, tasmā tassā sakkattādīnipi paṭisiddhāni.

Nanu ca yathā itthiliṅgaṃ, evaṃ purisaliṅgampi brahmaloke natthi? Tasmā ‘‘yaṃ puriso brahmattaṃ kareyya, ṭhānametaṃ vijjatī’’tipi na vattabbaṃ siyāti. No na vattabbaṃ. Kasmā? Idha purisassa tattha nibbattanato. Brahmattanti hi mahābrahmattaṃ adhippetaṃ. Itthī ca idha jhānaṃ bhāvetvā kālaṃ katvā brahmapārisajjānaṃ sahabyataṃ upapajjati, na mahābrahmānaṃ, puriso pana tattha na uppajjatīti na vattabbo. Samānepi cettha ubhayaliṅgābhāve purisasaṇṭhānāva brahmāno, na itthisaṇṭhānā, tasmā suvuttamevetaṃ.

**131**. **Kāyaduccaritassā**tiādīsu yathā nimbabījakosātakībījādīni madhuraphalaṃ na nibbattenti, asātaṃ amadhurameva nibbattenti, evaṃ kāyaduccaritādīni madhuravipākaṃ na nibbattenti, amadhurameva vipākaṃ nibbattenti. Yathā ca ucchubījasālibījādīni madhuraṃ sādurasameva phalaṃ nibbattenti, na asātaṃ kaṭukaṃ, evaṃ kāyasucaritādīni madhurameva vipākaṃ nibbattenti, na amadhuraṃ. Vuttampi cetaṃ –

‘‘Yādisaṃ vapate bījaṃ, tādisaṃ harate phalaṃ;

Kalyāṇakārī kalyāṇaṃ, pāpakārī ca pāpaka’’nti. (saṃ. ni. 1.256);

Tasmā ‘‘aṭṭhānametaṃ anavakāso yaṃ kāyaduccaritassā’’tiādi vuttaṃ.

**Kāyaduccaritasamaṅgī**tiādīsu **samaṅgī**ti pañcavidhā samaṅgitā āyūhanasamaṅgitā cetanāsamaṅgitā kammasamaṅgitā vipākasamaṅgitā, upaṭṭhānasamaṅgitāti. Tattha kusalākusalakammāyūhanakkhaṇe **āyūhanasamaṅgitā**ti vuccati. Tathā **cetanāsamaṅgitā**. Yāva pana arahattaṃ na pāpuṇanti, tāva sabbepi sattā pubbe upacitaṃ vipākārahaṃ kammaṃ sandhāya ‘‘kammasamaṅgino’’ti vuccanti, esā **kammasamaṅgitā. Vipākasamaṅgitā** vipākakkhaṇeyeva veditabbā. Yāva pana sattā arahattaṃ na pāpuṇanti, tāva nesaṃ tato tato cavitvā niraye tāva uppajjamānānaṃ aggijālalohakumbhiādīhi upaṭṭhānākārehi nirayo, gabbhaseyyakattaṃ āpajjamānānaṃ mātukucchi, devesu uppajjamānānaṃ kapparukkhavimānādīhi upaṭṭhānākārehi devalokoti evaṃ uppattinimittaṃ upaṭṭhāti, iti nesaṃ iminā uppattinimittaupaṭṭhānena aparimuttatā **upaṭṭhānasamaṅgitā** nāma. Sā calati sesā niccalā. Niraye hi upaṭṭhitepi devaloko upaṭṭhāti, devaloke upaṭṭhitepi nirayo upaṭṭhāti, manussaloke upaṭṭhitepi tiracchānayoni upaṭṭhāti, tiracchānayoniyā ca upaṭṭhitāyapi manussaloko upaṭṭhātiyeva.

Tatridaṃ vatthu – soṇagiripāde kira acelavihāre soṇatthero nāma eko dhammakathiko, tassa pitā sunakhajīviko ahosi. Thero taṃ paṭibāhantopi saṃvare ṭhapetuṃ asakkonto ‘‘mā nassi jarako’’ti mahallakakāle akāmakaṃ pabbājesi. Tassa gilānaseyyāya nipannassa nirayo upaṭṭhāti, soṇagiripādato mahantā mahantā sunakhā āgantvā khāditukāmā viya samparivāresuṃ. So mahābhayabhīto – ‘‘vārehi, tāta soṇa, vārehi, tāta soṇā’’ti āha. Kiṃ mahātherāti. Na passasi tātāti taṃ pavattiṃ ācikkhi. Soṇatthero – ‘‘kathañhi nāma mādisassa pitā niraye nibbattissati, patiṭṭhā’ssa bhavissāmī’’ti sāmaṇerehi nānāpupphāni āharāpetvā cetiyaṅgaṇabodhiyaṅgaṇesu talasantharaṇapūjaṃ āsanapūjañca kāretvā pitaraṃ mañcena cetiyaṅgaṇaṃ āharitvā mañce nisīdāpetvā – ‘‘ayaṃ mahāthera-pūjā tumhākaṃ atthāya katā ‘ayaṃ me bhagavā duggatapaṇṇākāro’ti vatvā bhagavantaṃ vanditvā cittaṃ pasādehī’’ti āha. So mahāthero pūjaṃ disvā tathā karonto cittaṃ pasādesi, tāvadevassa devaloko upaṭṭhāsi, nandanavana-cittalatāvana-missakavana-phārusakavanavimānāni ceva nāṭakāni ca parivāretvā ṭhitāni viya ahesuṃ. So ‘‘apetha apetha soṇā’’ti āha. Kimidaṃ therāti? Etā te, tāta, mātaro āgacchantīti. Thero ‘‘saggo upaṭṭhito mahātherassā’’ti cintesi. Evaṃ upaṭṭhānasamaṅgitā calatīti veditabbā. Etāsu samaṅgitāsu idha āyūhanacetanākammasamaṅgitāvasena kāyaduccaritasamaṅgītiādi vuttaṃ.

**132**. **Evaṃ vutte āyasmā ānando**ti ‘‘evaṃ bhagavatā imasmiṃ sutte vutte thero ādito paṭṭhāya sabbasuttaṃ samannāharitvā evaṃ sassirikaṃ katvā desitasuttassa nāma bhagavatā nāmaṃ na gahitaṃ. Handassa nāmaṃ gaṇhāpessāmī’’ti cintetvā bhagavantaṃ etadavoca.

**Tasmā tiha tva**ntiādīsu ayaṃ atthayojanā –

Ānanda, yasmā imasmiṃ dhammapariyāye ‘‘aṭṭhārasa kho imā, ānanda, dhātuyo, cha imā, ānanda, dhātuyo’’ti evaṃ bahudhātuyo vibhattā, tasmā tiha tvaṃ imaṃ dhammapariyāyaṃ **bahudhātuko**tipi naṃ dhārehi. Yasmā panettha dhātuāyatanapaṭiccasamuppādaṭṭhānāṭṭhānavasena cattāro parivaṭṭā kathitā, tasmā **catuparivaṭṭo**tipi naṃ dhārehi. Yasmā ca ādāsaṃ olokentassa mukhanimittaṃ viya imaṃ dhammapariyāyaṃ olokentassa ete dhātuādayo atthā pākaṭā honti, tasmā **dhammādāso**tipi naṃ dhārehi. Yasmā ca yathā nāma parasenamaddanā yodhā saṅgāmatūriyaṃ paggahetvā parasenaṃ pavisitvā sapatte madditvā attano jayaṃ gaṇhanti, evameva kilesasenamaddanā yogino idha vuttavasena vipassanaṃ paggahetvā kilese madditvā attano arahattajayaṃ gaṇhanti, tasmā **amatadundubhī**tipi naṃ dhārehi. Yasmā ca yathā saṅgāmayodhā pañcāvudhaṃ gahetvā parasenaṃ viddhaṃsetvā jayaṃ gaṇhanti, evaṃ yoginopi idha vuttaṃ vipassanāvudhaṃ gahetvā kilesasenaṃ viddhaṃsetvā arahattajayaṃ gaṇhanti. Tasmā **anuttaro saṅgāmavijayo**tipi naṃ dhārehīti.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Bahudhātukasuttavaṇṇanā niṭṭhitā.